

Số: 33/2016/NQ-HĐND

Đồng Nai, ngày 09 tháng 12 năm 2016

NGHỊ QUYẾT

**Ban hành quy định về định mức phân bổ dự toán chi thường xuyên
ngân sách tỉnh Đồng Nai năm 2017, giai đoạn 2017 - 2020**

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH ĐỒNG NAI
KHÓA IX- KỲ HỌP THỨ 3**

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22/6/2015;

Căn cứ Luật Ngân sách Nhà nước ngày 25/6/2015;

Căn cứ Quyết định số 46/2016/QĐ-TTg ngày 19/10/2016 của Thủ tướng Chính phủ về việc ban hành định mức phân bổ dự toán chi thường xuyên ngân sách Nhà nước năm 2017;

Căn cứ Quyết định số 2309/QĐ-TTg ngày 29/11/2016 của Thủ tướng Chính phủ về việc giao dự toán ngân sách Nhà nước năm 2017;

Xét Tờ trình số 11406/TTr-UBND ngày 24/11/2016 của Ủy ban nhân dân tỉnh về định mức phân bổ chi thường xuyên ngân sách Đồng Nai năm 2017, giai đoạn 2017 -2020; báo cáo thẩm tra của Ban Kinh tế - Ngân sách HĐND tỉnh; ý kiến thảo luận của đại biểu HĐND tỉnh tại kỳ họp.

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Ban hành kèm theo Nghị quyết này quy định về định mức phân bổ dự toán chi thường xuyên ngân sách tỉnh Đồng Nai năm 2017, giai đoạn 2017 -2020.

Điều 2. Tổ chức thực hiện

1. Ủy ban nhân dân tỉnh có trách nhiệm tổ chức triển khai thực hiện Nghị quyết này theo quy định. Trong trường hợp cần sửa đổi, bổ sung định mức phân bổ dự toán chi thường xuyên ngân sách tỉnh Đồng Nai năm 2017, giai đoạn 2017 - 2020, Ủy ban nhân dân tỉnh trình Hội đồng nhân dân tỉnh xem xét, quyết định.

2. Hội đồng nhân dân các huyện, thị xã Long Khánh và thành phố Biên Hòa: Căn cứ định mức phân bổ quy định tại Nghị quyết này và tình hình thực tế của địa phương thực hiện phân bổ dự toán ngân sách năm 2017, giai đoạn 2017- 2020 cho các cấp (huyện, xã) và các đơn vị.

3. Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh, các ban Hội đồng nhân dân tỉnh, và đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh giám sát việc thực hiện Nghị quyết này theo quy định của pháp luật.

4. Đề nghị Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh và các tổ chức thành viên vận động tổ chức và nhân dân cùng tham gia giám sát việc thực hiện Nghị quyết này, phản ánh kịp thời tâm tư, nguyện vọng của nhân dân kiến nghị đến các cơ quan có thẩm quyền theo quy định của pháp luật.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân tỉnh Đồng Nai khóa IX, kỳ họp thứ 3 thông qua ngày 09/12/2016 và có hiệu lực từ ngày 19/12/2016./.

Nơi nhận:

- Ủy ban Thường vụ Quốc hội;
- Chính phủ;
- Văn phòng Quốc hội (A+B);
- Văn phòng Chính phủ (A+B);
- Bộ Tài chính;
- Bộ Kế hoạch và Đầu tư;
- Bộ Tư pháp;
- Thường trực Tỉnh ủy;
- Đoàn Đại biểu Quốc hội tỉnh Đồng Nai;
- Thường trực HĐND tỉnh;
- Chủ tịch, các Phó Chủ tịch UBND tỉnh;
- Các vị Đại biểu HĐND tỉnh;
- UBMTTQVN tỉnh và các đoàn thể;
- Các sở, ban, ngành khối tỉnh;
- Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh;
- Tòa án Nhân dân tỉnh;
- Văn phòng Tỉnh ủy;
- Văn phòng HĐND tỉnh;
- Văn phòng UBND tỉnh;
- Thường trực HĐND, UBND cấp huyện;
- Trung tâm Công báo tỉnh;
- Báo Đồng Nai, Đài PT-TH Đồng Nai;
- Lưu: VT.

CHỦ TỊCH



Nguyễn Phú Cường

QUY ĐỊNH

**Định mức phân bổ dự toán chi thường xuyên ngân sách
tỉnh Đồng Nai năm 2017, giai đoạn 2017 - 2020**

*(Ban hành kèm theo Nghị quyết số 33/2016/NQ-HĐND
ngày 09/12/2016 của HĐND tỉnh)*

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

1. Phạm vi điều chỉnh

Nghị quyết này quy định về định mức phân bổ dự toán chi thường xuyên ngân sách nhà nước áp dụng cho năm 2017, giai đoạn 2017 - 2020.

2. Đối tượng áp dụng

a) Các cơ quan khối Đảng; các sở, ban, ngành, đoàn thể, đơn vị sự nghiệp trực thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh; các huyện, thị xã Long Khánh và thành phố Biên Hòa (sau đây gọi chung là các cơ quan cấp tỉnh, cấp huyện và cấp xã).

b) Cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan đến lập, phân bổ, chấp hành dự toán chi thường xuyên ngân sách nhà nước.

Điều 2. Giải thích từ ngữ

1. Quỹ tiền lương bao gồm: Mức lương theo ngạch, bậc, chức vụ, các khoản phụ cấp theo lương (phụ cấp chức vụ, phụ cấp thâm niên vượt khung, phụ cấp công vụ, phụ cấp Đảng, đoàn thể, phụ cấp ưu đãi, phụ cấp thu hút, phụ cấp thâm niên nghề, phụ cấp khu vực, phụ cấp trách nhiệm và các loại phụ cấp theo lương khác) và các khoản đóng góp theo quy định (bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, kinh phí công đoàn).

2. Biên chế bao gồm: Số biên chế được HĐND tỉnh giao và số lao động hợp đồng không xác định thời hạn đối với một số chức danh theo quy định của pháp luật được duyệt (hợp đồng theo Nghị định 68/2000/NĐ-CP của Chính phủ ngày 17/11/2000 về thực hiện chế độ hợp đồng một số công việc trong cơ quan hành chính nhà nước, đơn vị sự nghiệp).

3. Chi hoạt động thường xuyên, bao gồm:

a) Chi thanh toán dịch vụ công cộng; chi phí vật tư văn phòng; thông tin, tuyên truyền, liên lạc; chi hội nghị; công tác phí; chi đoàn ra, đoàn vào; chi phí thuê mướn.

b) Các khoản chi nghiệp vụ chuyên môn mang tính thường xuyên: Chi tập huấn, bồi dưỡng nghiệp vụ chuyên môn, chi quản lý ngành, lĩnh vực; chi thực hiện công tác chỉ đạo, kiểm tra; chi cho công tác tuyên truyền phổ biến giáo dục pháp luật; xây dựng, hoàn thiện, rà soát văn bản quy phạm pháp luật; kiểm soát thủ tục hành chính; tiếp công dân, bộ phận tiếp nhận và trả kết quả; chi cải cách

hành chính, xây dựng hệ thống thông tin nội bộ, hệ thống quản lý cơ quan; chi mua bảo hiểm thất nghiệp.

c) Chi mua sắm, sửa chữa thường xuyên tài sản.

d) Chi hoạt động tổ chức Đảng (đơn vị dự toán có trách nhiệm bố trí kinh phí theo Quyết định 99-QĐ/TW ngày 30/5/2012 của Ban Bí thư Trung ương Đảng, không bao gồm các Huyện ủy, Thành ủy, Thị ủy, Đảng ủy trực thuộc Tỉnh ủy, Tỉnh ủy), chi hoạt động dân quân tự vệ, hoạt động Hội Cựu chiến binh trong cơ quan.

đ) Chi lương dạy thêm giờ đối với nhà giáo trong các cơ sở giáo dục công lập; hỗ trợ đối với giáo viên, cán bộ quản lý, nhân viên giáo dục mầm non theo Nghị quyết số 147/2014/NQ-HĐND ngày 11/12/2014 của Hội đồng nhân dân tỉnh về phát triển giáo dục mầm non giai đoạn 2015 - 2020 trên địa bàn tỉnh Đồng Nai và các khoản chi hoạt động khác trong lĩnh vực giáo dục.

e) Chi khen thưởng do thủ trưởng cơ quan ban hành quyết định và các khoản chi hoạt động thường xuyên khác.

4. Tổ chức đoàn thể chính trị - xã hội được ngân sách đảm bảo kinh phí hoạt động bao gồm: Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh, Hội Cựu chiến binh, Hội Nông dân, Hội Liên hiệp phụ nữ.

5. Chi hoạt động đặc thù: Các khoản chi phát sinh không thường xuyên nhằm phục vụ cho các hoạt động đặc thù của các cơ quan, đơn vị, ngành hoặc thực hiện nhiệm vụ được cấp thẩm quyền giao ngoài chức năng nhiệm vụ thường xuyên của cơ quan, đơn vị, ngành.

Điều 3. Nguyên tắc áp dụng

1. Đảm bảo thực hiện đúng quy định của Luật Ngân sách nhà nước và phù hợp với khả năng cân đối của ngân sách địa phương, đảm bảo thực hiện các mục tiêu, nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội, an ninh - quốc phòng giai đoạn 2017 - 2020 theo các Nghị quyết, Quyết định của Trung ương và địa phương; đảm bảo tổng mức dự toán chi thường xuyên năm 2017 không thấp hơn mức dự toán chi thường xuyên năm 2016 được HĐND tỉnh giao và có tỷ lệ tăng trưởng hợp lý.

2. Đảm bảo thực hiện đầy đủ các chế độ chính sách của Nhà nước đã ban hành đến ngày 30/9/2016 và mức lương cơ sở 1.210.000 đồng, cắt giảm kinh phí thực hiện các chính sách chế độ sẽ hết hiệu lực từ ngày 01/01/2017, chưa bao gồm: Kinh phí mua vacxin phòng chống dịch bệnh gia súc, gia cầm; kinh phí hỗ trợ đào tạo theo Nghị quyết số 177/2010/NQ-HĐND ngày 02/7/2010 Quy định tạm thời về hỗ trợ chi phí đào tạo, bồi dưỡng đối với cán bộ, công chức, viên chức trên địa bàn tỉnh Đồng Nai; kinh phí mai táng phí cho các đối tượng.

3. Đảm bảo chi hoạt động, thực hiện quyền tự chủ tài chính đối với cơ quan nhà nước, đơn vị sự nghiệp; thu nhập tăng thêm trên mặt bằng chung; thúc đẩy thực hành tiết kiệm, cải cách hành chính, nâng cao chất lượng dịch vụ công, sử dụng hiệu quả các nguồn vốn ngân sách nhà nước.

4. Tiêu chí làm căn cứ để xây dựng định mức phải đảm bảo rõ ràng, đơn giản, dễ hiểu, dễ xác định, và dễ áp dụng trong quá trình thực hiện.

5. Định mức phân bổ đối với các đơn vị sự nghiệp công lập phải phù hợp với Nghị định số 16/2015/NĐ-CP ngày 14/02/2015 của Chính phủ về quy định cơ chế tự chủ của đơn vị sự nghiệp công lập và các văn bản của các Bộ, Ngành có liên quan. Hàng năm, căn cứ kết quả thực hiện Nghị định số 16/2015/NĐ-CP ngày 14/02/2015 của Chính phủ và các văn bản pháp luật có liên quan, UBND tỉnh chỉ đạo Sở Tài chính và các cơ quan, đơn vị cân đối nguồn thu sự nghiệp để xác định số giảm chi cho ngân sách nhà nước.

6. Thủ trưởng các đơn vị dự toán cấp I trực thuộc tỉnh căn cứ định mức phân bổ dự toán chi thường xuyên ngân sách địa phương để tiến hành giao dự toán cho các đơn vị trực thuộc đảm bảo phù hợp với tình hình thực tế, công khai, minh bạch và có cân đối với nguồn thu sự nghiệp thực hiện qua các năm.

7. Định mức phân bổ dự toán chi thường xuyên dùng để xác định tổng chi thường xuyên ngân sách các cấp và làm căn cứ để UBND các cấp trình HĐND cùng cấp phân bổ dự toán ngân sách cho phù hợp với đặc điểm tình hình cụ thể của từng địa phương và các cơ quan, đơn vị trực thuộc.

8. Định mức chi hoạt động thường xuyên bao gồm các khoản tiết kiệm để thực hiện cải cách tiền lương hoặc tiết kiệm để thực hiện các nhiệm vụ khác theo quyết định điều hành hàng năm của Thủ tướng Chính phủ, Bộ Tài chính (nếu có).

Điều 4. Định mức phân bổ dự toán chi thường xuyên của ngân sách cấp tỉnh

1. Định mức phân bổ dự toán chi quản lý nhà nước, Đảng, đoàn thể chính trị - xã hội:

a) Chi cho con người: Đảm bảo chi đầy đủ quỹ lương theo biên chế thực tế thực hiện (không vượt quá biên chế được duyệt).

b) Chi hoạt động thường xuyên:

- Các sở chủ quản, Văn phòng UBND tỉnh, Văn phòng Hội đồng nhân dân tỉnh, các cơ quan Đảng cấp tỉnh, đoàn thể chính trị - xã hội cấp tỉnh: 55 triệu đồng/biên chế/năm, tính theo số biên chế được duyệt.

- Các đơn vị hành chính trực thuộc các sở: 45 triệu đồng/biên chế/năm, tính theo số biên chế được duyệt.

c) Chi hoạt động đặc thù của từng cơ quan và kinh phí mua sắm, sửa chữa tài sản lớn theo đề án.

2. Định mức phân bổ dự toán chi cho các hội đặc thù và các tổ chức đoàn thể xã hội được giao biên chế.

a) Chi cho con người: đảm bảo chi đầy đủ quỹ lương theo biên chế thực tế thực hiện (không vượt quá biên chế được duyệt).

b) Chi hoạt động thường xuyên: 35 triệu đồng/biên chế/năm, tính theo số biên chế được duyệt. Hàng năm khi giao dự toán, cơ quan tài chính thẩm định lại, xây dựng dự toán nhu cầu kinh phí phù hợp theo lộ trình sắp xếp lại các hội của cấp có thẩm quyền.

c) Chi thực hiện nhiệm vụ cấp thẩm quyền giao: phân bổ ngân sách theo dự toán được duyệt.

3. Định mức phân bổ chi sự nghiệp giáo dục, đào tạo và dạy nghề:

a) Sự nghiệp giáo dục:

- Chi cho con người: đảm bảo chi đầy đủ quỹ lương theo biên chế thực tế thực hiện (không vượt quá biên chế được duyệt).

- Chi hoạt động thường xuyên giáo dục: phân bổ theo biên chế được cấp thẩm quyền giao và phân theo vùng miền như sau:

Đơn vị tính: Đồng

Phân vùng	Định mức một biên chế/năm
Thành phố Biên Hòa	11.000.000
Huyện Định Quán, Tân Phú, Xuân Lộc, Cẩm Mỹ, Vĩnh Cửu	18.000.000
Thị xã Long-Khánh và các huyện còn lại	15.000.000

- Một số loại hình trường có tính chất đặc thù được tính như sau:

+ Đối với các trường chuyên được tính phân bổ 12.000.000 đồng/biên chế/năm.

+ Đối với trường bổ túc văn hóa được tính phân bổ 15.000.000 đồng/biên chế/năm.

+ Đối với Trung tâm Giáo dục thường xuyên tỉnh, Trung tâm Kỹ thuật tổng hợp và hướng nghiệp tỉnh được tính phân bổ 12.000.000 đồng/biên chế/năm.

+ Đối với trường dân tộc nội trú được tính phân bổ 27.000.000 đồng/biên chế/năm.

+ Đối với trường nuôi dạy trẻ khuyết tật được tính phân bổ 20.000.000 đồng/biên chế/năm.

Định mức chi hoạt động thường xuyên trên đã bao gồm chế độ chi cho hướng nghiệp dạy nghề, chưa bao gồm chế độ chi cho học sinh dân tộc nội trú, trẻ khuyết tật, miễn giảm học phí theo quy định.

b) Định mức phân bổ chi sự nghiệp đào tạo, dạy nghề công lập:

- Đào tạo:

Đơn vị: đồng/học viên/năm

Ngành	Đại học	Cao đẳng	Trung cấp
Ngành sư phạm	11.000.000	9.000.000	
Ngoài ngành sư phạm	8.500.000	7.000.000	6.000.000
Ngành kỹ thuật			6.500.000

- Dạy nghề:

Đơn vị: đồng/học viên/năm

Ngành	Cao đẳng	Trung cấp
Ngành kỹ thuật	8.500.000	6.500.000
Ngành khác	7.000.000	6.000.000
Chi hoạt động đào tạo đặc thù khác	Các trường đào tạo còn bố trí thêm chế độ cho học sinh dân tộc khi được UBND tỉnh giao chỉ tiêu; Trường Năng khiếu TDTT được bố trí thêm tiền ăn của vận động viên.	
Đào tạo nghề khác	Đào tạo cho lao động khu vực nông thôn, đào tạo nghề cho đối tượng người tật, người nghèo được thực hiện theo quy định của Trung ương và chính sách của tỉnh.	

- Định mức chi của mỗi hệ đào tạo nêu trên tính trên số học viên bình quân của mỗi hệ đào tạo.

- Khi liên kết với các trường ngoài tỉnh, Trung ương: được tính bằng 90% định mức đã nêu trên.

4. Định mức phân bổ chi sự nghiệp y tế

a) Chi công tác khám chữa bệnh:

- Chi cho con người: đảm bảo chi đầy đủ quỹ lương theo biên chế thực tế thực hiện (không vượt quá biên chế được duyệt).

- Hỗ trợ chi hoạt động thường xuyên khám chữa bệnh cho bệnh viện hạng III, bệnh viện chuyên khoa: 10 triệu đồng/giường bệnh/năm.

Để đảm bảo tính công bằng hợp lý khi thực hiện Nghị định số 16/2015/NĐ-CP ngày 14/2/2015 của Chính phủ về chế độ tự chủ tự chịu trách nhiệm về thực hiện nhiệm vụ, tổ chức bộ máy, biên chế và tài chính, khi giao dự toán chi sự nghiệp chữa bệnh cho các đơn vị, sẽ giảm trừ hỗ trợ ngân sách tương ứng với các nguồn thu của đơn vị thu được.

b) Định mức phân bổ chi ngân sách cho công tác phòng bệnh:

- Tuyển tỉnh, huyện:

+ Chi cho con người: Đảm bảo chi đầy đủ quỹ lương theo biên chế thực tế thực hiện (không vượt quá biên chế được duyệt).

+ Chi hoạt động thường xuyên công tác phòng bệnh: 45 triệu đồng/biên chế/năm, tính theo biên chế được duyệt.

- Tuyển xã:

+ Chi cho con người: đảm bảo chi đầy đủ quỹ lương theo biên chế thực tế thực hiện (không vượt quá biên chế được duyệt).

+ Chi hoạt động thường xuyên công tác phòng bệnh:

Xã, phường thuộc TP. Biên Hòa 10.000 đồng/người dân/năm.

Xã thuộc các huyện Tân Phú, Định Quán, Xuân Lộc, Cẩm Mỹ, Vĩnh Cửu: 20.000 đồng/người dân/năm.

Các xã, phường, thị trấn còn lại: 16.000 đồng/người dân/năm.

c) Định mức chi cho công tác dân số, kế hoạch hóa gia đình:

- Chi con người: Đảm bảo chi đầy đủ quỹ lương theo biên chế thực tế thực hiện (không vượt quá biên chế được duyệt).

- Chi hoạt động: 45 triệu đồng/biên chế/năm, tính theo biên chế được duyệt.

d) Định mức chi nêu trên chưa bao gồm kinh phí thực hiện các chương trình mục tiêu và nhiệm vụ được cấp có thẩm quyền giao.

5. Định mức phân bổ chi sự nghiệp văn hóa, thông tin:

a) Chi cho con người: Đảm bảo chi đầy đủ quỹ lương theo biên chế thực tế thực hiện (không vượt quá biên chế được duyệt).

b) Chi hoạt động thường xuyên: 35 triệu đồng/biên chế/năm, tính theo biên chế được duyệt.

6. Định mức chi sự nghiệp thể dục thể thao:

a) Chi cho con người: Đảm bảo chi đầy đủ quỹ lương theo biên chế thực tế thực hiện (không vượt quá biên chế được duyệt).

b) Chi hoạt động thường xuyên: 35 triệu đồng/biên chế/năm, tính theo biên chế được duyệt.

7. Định mức phân bổ chi sự nghiệp đảm bảo xã hội:

a) Chi cho con người: Đảm bảo chi đầy đủ quỹ lương theo biên chế thực tế thực hiện (không vượt quá biên chế được duyệt).

b) Chi hoạt động thường xuyên: 35 triệu đồng/biên chế/năm, tính theo số biên chế được duyệt.

8. Định mức phân bổ chi an ninh: Phân bổ theo nhiệm vụ đặc thù theo phân cấp, nhiệm vụ được cấp có thẩm quyền giao.

9. Định mức phân bổ chi quốc phòng: Phân bổ theo nhiệm vụ đặc thù theo phân cấp, nhiệm vụ được cấp có thẩm quyền giao.

10. Định mức phân bổ chi sự nghiệp kinh tế:

a) Chi cho con người: Đảm bảo chi đầy đủ quỹ lương theo biên chế thực tế thực hiện (không vượt quá biên chế được duyệt).

b) Chi hoạt động thường xuyên: 35 triệu đồng/biên chế/năm, tính theo số biên chế được duyệt.

11. Chi sự nghiệp môi trường: Phân bổ tối thiểu 02% tổng chi thường xuyên của ngân sách cấp tỉnh.

12. Chi sự nghiệp khoa học, công nghệ: Phân bổ tối thiểu bằng chỉ tiêu của trung ương hàng năm giao dự toán cho ngân sách địa phương. Trong đó định mức chi phân bổ cho các đơn vị sự nghiệp trực thuộc các sở, ngành như sau:

a) Chi cho con người: Đảm bảo chi đầy đủ quỹ lương theo biên chế thực tế thực hiện (không vượt quá biên chế được duyệt).

b) Chi hoạt động thường xuyên: 35 triệu đồng/biên chế/năm, tính theo số biên chế được duyệt.

13. Chi các đơn vị sự nghiệp khác trực thuộc UBND tỉnh, các sở, ngành không nằm trong các lĩnh vực nêu trên:

a) Chi cho con người: Đảm bảo chi đầy đủ quỹ lương theo biên chế thực tế thực hiện (không vượt quá biên chế được duyệt).

b) Chi hoạt động thường xuyên: 35 triệu đồng/biên chế/năm, tính theo số biên chế được duyệt.

14. Chi khác ngân sách cấp tỉnh: Tối đa 08% chi quản lý hành chính khối tỉnh.

Điều 5. Định mức phân bổ dự toán chi của ngân sách các huyện, thị xã Long Khánh và thành phố Biên Hòa

1. Định mức phân bổ dự toán chi quản lý Nhà nước, Đảng, đoàn thể

- Chi cho con người: Đảm bảo chi đầy đủ quỹ lương theo biên chế thực tế thực hiện (không vượt quá biên chế được duyệt).

- Chi hoạt động thường xuyên cho các cơ quan lý nhà nước, Đảng, đoàn thể chính trị - xã hội: 55 triệu đồng/biên chế/năm, tính theo số biên chế được duyệt.

- Chi hoạt động thường xuyên cho các tổ chức hội đặc thù: 20 triệu đồng/biên chế/năm, tính theo số biên chế được duyệt. Hàng năm, khi giao dự toán, cơ quan tài chính thẩm định lại, xây dựng dự toán nhu cầu kinh phí phù hợp theo lộ trình sắp xếp lại các hội của cấp có thẩm quyền.

- Chi khác trong hoạt động quản lý nhà nước: Lấy tiêu chí dân số để xây dựng định mức:

+ Thành phố Biên Hòa: 14.000 đồng/người dân/năm.

+ Các huyện Xuân Lộc, Cẩm Mỹ, Định Quán, Tân Phú, Vĩnh Cửu: 24.000 đồng/người dân/năm.

+ Thị xã Long Khánh và các huyện còn lại: 23.000 đồng/người dân/năm.

Chi khác đã bao gồm chi cho các nhiệm vụ được cấp có thẩm quyền giao cho các hội đặc thù.

2. Định mức phân bổ chi sự nghiệp văn hóa, thông tin: Lấy tiêu chí dân số để xây dựng định mức:

- Thành phố Biên Hòa: 10.000 đồng/người dân/năm.

- Các huyện Xuân Lộc, Cẩm Mỹ, Định Quán, Tân Phú, Vĩnh Cửu: 18.000 đồng/người dân/năm.

- Thị xã Long Khánh và các huyện còn lại: 16.000 đồng/người dân/năm.

3. Định mức chi sự nghiệp phát thanh truyền hình: Lấy tiêu chí dân số để xây dựng định mức:

- Thành phố Biên Hòa: 5.000 đồng/người dân/năm.
- Các huyện Xuân Lộc, Cẩm Mỹ, Định Quán, Tân Phú, Vĩnh Cửu: 9.000 đồng/người dân/năm.

- Thị xã Long Khánh và các huyện còn lại: 7.000 đồng/người dân/năm.

4. Định mức chi sự nghiệp thể dục thể thao: Lấy tiêu chí dân số để xây dựng định mức

- Thành phố Biên Hòa: 6.000 đồng/người dân/năm.

- Các huyện Xuân Lộc, Cẩm Mỹ, Định Quán, Tân Phú, Vĩnh Cửu: 8.000 đồng/người dân/năm.

- Thị xã Long Khánh và các huyện còn lại: 7.000 đồng/người dân/năm.

5. Định mức phân bổ chi sự nghiệp đảm bảo xã hội:

Phân bổ ngân sách đảm bảo thực hiện đầy đủ các chế độ chính sách cho các đối tượng được hưởng trợ cấp thường xuyên và hỗ trợ mua bảo hiểm y tế học sinh. Ngoài ra còn được phân bổ thêm 12.000 đồng/người dân/năm để thực hiện các nhiệm vụ chi đảm bảo xã hội khác trên địa bàn.

6. Định mức phân bổ chi an ninh: Lấy tiêu chí dân số để xây dựng định mức:

- Thành phố Biên Hòa: 6.000 đồng/người dân/năm.

- Các huyện Vĩnh Cửu, Tân Phú, Định Quán, Xuân Lộc, Cẩm Mỹ: 10.000 đồng/người dân/năm.

- Thị xã Long Khánh và các huyện còn lại: 9.000 đồng/người dân/năm.

7. Định mức phân bổ chi quốc phòng: Lấy tiêu chí dân số để xây dựng định mức:

- Thành phố Biên Hòa: 10.000 đồng/người dân/năm.

- Các huyện Vĩnh Cửu, Tân Phú, Định Quán, Xuân Lộc, Cẩm Mỹ: 22.000 đồng/người dân/năm.

- Thị xã Long Khánh và các huyện còn lại: 19.000 đồng/người dân/năm.

8. Định mức phân bổ chi sự nghiệp kinh tế:

a) Phân bổ theo tỷ lệ (%) trên tổng mức chi các lĩnh vực từ Khoản 2 đến Khoản 7 Điều 6 và phân theo vùng miền như sau:

- Thành phố Biên Hòa: 40% trên tổng mức chi.

- Các huyện Vĩnh Cửu, Tân Phú, Định Quán, Xuân Lộc, Cẩm Mỹ: 70% trên tổng mức chi.

- Thị xã Long Khánh và các huyện còn lại: 50% trên tổng mức chi.

b) Tính thêm về công tác quản lý đô thị:

- Thành phố Biên Hòa: 76.500 triệu đồng/năm.

- Thị xã Long Khánh: 12.750 triệu đồng/năm.

- Các huyện còn lại: 5.000 triệu đồng/năm.

9. Định mức phân bổ chi sự nghiệp quản lý môi trường:

Phân bổ ngân sách đảm bảo thực hiện nhiệm vụ thu gom, vận chuyển, xử lý rác thải sinh hoạt trên địa bàn. Ngoài ra bổ thêm 12.000 đồng/người dân/năm để thực hiện các nhiệm vụ quản lý môi trường khác trên địa bàn.

10. Định mức phân bổ chi sự nghiệp giáo dục công lập cấp huyện quản lý.

a) Chi cho con người: Đảm bảo chi đầy đủ quỹ lương theo biên chế thực tế thực hiện (không vượt quá biên chế được duyệt).

b) Chi hoạt động thường xuyên giáo dục: Phân bổ theo biên chế được duyệt và phân theo vùng miền, cấp học như sau:

Đơn vị tính: đồng

Phân vùng	Định mức một biên chế/năm		
	Mầm non	Cấp 1	Cấp 2
Thành phố Biên Hòa	17.000.000	17.000.000	16.000.000
Huyện Định Quán, Tân Phú, Xuân Lộc, Cẩm Mỹ, Vĩnh Cửu	19.000.000	19.000.000	18.000.000
Thị xã Long Khánh và các huyện còn lại	18.000.000	18.000.000	17.000.000

Riêng đối với Trung tâm Giáo dục nghề nghiệp - Giáo dục thường xuyên được phân bổ chi thường xuyên bằng định mức cấp 2 theo vùng miền.

11. Định mức phân bổ chi sự nghiệp đào tạo, dạy nghề cấp huyện quản lý: Lấy tiêu chí dân số để xây dựng định mức:

- Thành phố Biên Hòa: 6.000 đồng/người dân/năm.

- Các huyện Vĩnh Cửu, Tân Phú, Định Quán, Xuân Lộc, Cẩm Mỹ: 20.000 đồng/người dân/năm.

- Thị xã Long Khánh và các huyện còn lại: 12.000 đồng/người dân/năm.

12. Chi sự nghiệp khoa học công nghệ: Không phân cấp nhiệm vụ này cho cấp huyện.

13. Chi khác ngân sách: 02% chi quản lý hành chính cấp huyện.

Điều 6. Định mức phân bổ dự toán chi thường xuyên ngân sách cấp xã, phường, thị trấn

1. Chi quản lý hành chính:

a) Đối với cán bộ chuyên trách, công chức xã:

- Chi cho con người: Đảm bảo chi đầy đủ quỹ lương theo biên chế thực tế thực hiện (không vượt quá biên chế được duyệt).

- Chi hoạt động thường xuyên: 20 triệu đồng/biên chế/năm, tính theo số biên chế được duyệt.

b) Đối với cán bộ không chuyên trách cấp xã, ấp, khu phố: Phân bổ theo phân loại xã như sau:

- Xã loại I: 40 lần lương cơ sở/tháng
 - Xã loại II: 37 lần lương cơ sở/tháng
 - Xã loại III: 34 lần lương cơ sở/tháng
 - Ấp, khu phố: 6,0 lần lương cơ sở/tháng
2. Chi sự nghiệp văn hóa, thông tin:
- Đối với xã loại I: 36 triệu đồng/xã/năm.
 - Đối với xã loại II: 34 triệu đồng/xã/năm.
 - Đối với xã loại III: 31 triệu đồng/xã/năm.
3. Chi sự nghiệp phát thanh:
- Đối với xã loại I: 30 triệu đồng/xã/năm.
 - Đối với xã loại II: 28 triệu đồng/xã/năm.
 - Đối với xã loại III: 25 triệu đồng/xã/năm.
4. Chi sự nghiệp thể dục thể thao:
- Đối với xã loại I: 34 triệu đồng/xã/năm.
 - Đối với xã loại II: 31 triệu đồng/xã/năm.
 - Đối với xã loại III: 29 triệu đồng/xã/năm.
5. Chi sự nghiệp đảm bảo xã hội:
- Đối với xã loại I: 28 triệu đồng/xã/năm.
 - Đối với xã loại II: 25 triệu đồng/xã/năm.
 - Đối với xã loại III: 23 triệu đồng/xã/năm.
6. Chi bảo đảm an ninh: 570 triệu đồng/xã/năm.
7. Chi quốc phòng: 658 triệu đồng/xã/năm.
8. Chi sự nghiệp kinh tế:
- Đối với xã loại I: 100 triệu đồng/xã/năm.
 - Đối với xã loại II: 95 triệu đồng/xã/năm.
 - Đối với xã loại III: 90 triệu đồng/xã/năm.
9. Chi hỗ trợ hoạt động thường xuyên của Mặt trận và các đoàn thể cấp xã, ấp, khu phố:
- Đối với xã loại I: Mức khoán 95 triệu đồng/xã/năm.
 - Đối với xã loại II: Mức khoán 85 triệu đồng/xã/năm.
 - Đối với xã loại III: Mức khoán 75 triệu đồng/xã/năm.
 - Ấp, khu phố: Mức khoán 15 triệu đồng/ấp, khu phố/năm.
10. Chi hoạt động khác:
- Đối với xã loại I: Mức khoán 600 triệu đồng/xã/năm.
 - Đối với xã loại II: Mức khoán 550 triệu đồng/xã/năm.
 - Đối với xã loại III: Mức khoán 500 triệu đồng/xã/năm.

(Đã bao gồm các hoạt động trên địa bàn xã, phường, thị trấn như: Chi hoạt động HĐND, chi hỗ trợ các hội đặc thù, chi hỗ trợ hoạt động của chi bộ ấp, khu phố, chi hội nghị, công tác phí, nhà văn hóa - khu thể thao ấp, trung tâm văn hóa thể thao - học tập cộng đồng,...).

11. Định mức phụ theo tiêu chí địa giới hành chính và dân số

a) Theo địa giới hành chính:

- Đối với các xã, phường, thị trấn xa trung tâm của huyện, thị xã Long Khánh, thành phố Biên Hòa từ 20 km đến dưới 30 km được tính thêm 2% trên tổng kinh phí các tiêu chí tính theo định mức chi loại xã (không bao gồm chi quản lý hành chính).

- Đối với các xã, phường, thị trấn xa trung tâm của huyện, thị xã Long Khánh, thành phố Biên Hòa từ trên 30 km được tính thêm 3% trên tổng kinh phí các tiêu chí tính theo định mức chi loại xã (không bao gồm chi quản lý hành chính).

b) Theo dân số:

- Xã có từ 20.000 dân đến 30.000 dân được tính thêm 1% tổng kinh phí các tiêu chí tính theo định mức chi loại xã (không bao gồm chi quản lý hành chính).

- Xã có trên 30.000 dân đến 50.000 dân được tính thêm 2% tổng kinh phí các tiêu chí tính theo định mức chi loại xã (không bao gồm chi quản lý hành chính).

- Xã có trên 50.000 dân được tính thêm 3% tổng kinh phí các tiêu chí tính theo định mức chi loại xã (không bao gồm chi quản lý hành chính).

Điều 7. Dự phòng ngân sách

Dự phòng ngân sách được phân bổ bằng 2% tổng chi ngân sách từng cấp ngân sách.

Điều 8. Bổ sung ngân sách hàng năm trong chu kỳ ngân sách

1. Hàng năm, căn cứ khả năng cân đối của ngân sách cấp trên, Hội đồng nhân dân cấp trên quyết định số bổ sung cân đối ngân sách từ ngân sách cấp trên cho ngân sách cấp dưới.

2. Trong chu kỳ ngân sách, nếu có phát sinh chính sách mới do cấp thẩm quyền ban hành, ngân sách cấp tỉnh sẽ bổ sung cân đối cho ngân sách các địa phương không tự cân đối và bổ sung có mục tiêu cho ngân sách địa phương tự cân đối ngân sách theo khả năng của ngân sách cấp tỉnh và khả năng cân đối ngân sách của từng địa phương; nếu có chính sách hết hiệu lực, ngân sách cấp tỉnh giảm trừ bổ sung cân đối ngân sách các địa phương không tự cân đối và giảm trừ số bổ sung mục tiêu đối với địa phương tự cân đối ngân sách.

3. Bổ sung có mục tiêu từ ngân sách cấp tỉnh cho ngân sách địa phương theo khả năng ngân sách cấp tỉnh và khả năng cân đối ngân sách địa phương để hỗ trợ ngân sách cấp huyện trong các trường hợp sau: bổ sung kinh phí các chính sách chưa có trong định mức tại Khoản 2 Điều 3 Nghị quyết này; thực

hiện các chương trình mục tiêu quốc gia và các chương trình, dự án khác của cấp tỉnh, phân giao cho cấp huyện, cấp xã thực hiện; hỗ trợ chi khắc phục thiên tai, thảm họa, dịch bệnh trên diện rộng vượt quá khả năng cân đối của ngân sách cấp huyện; hỗ trợ thực hiện một số chương trình, dự án lớn, đặc biệt quan trọng có tác động lớn đến phát triển kinh tế - xã hội của địa phương do UBND tỉnh, HĐND tỉnh phê duyệt.

4. Các địa phương được sử dụng nguồn tăng thu hàng năm mà ngân sách địa phương được hưởng theo phân cấp để tăng chi thực hiện tạo nguồn cải cách tiền lương, các nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội, bảo đảm quốc phòng - an ninh theo quy định. Trường hợp đặc biệt có phát sinh nguồn thu từ dự án mới đi vào hoạt động trong thời kỳ ổn định ngân sách làm ngân sách địa phương tăng thu lớn thì số tăng thu phải nộp về ngân sách cấp trên. UBND tỉnh trình HĐND tỉnh quyết định thu về ngân sách cấp tỉnh số tăng thu này và thực hiện bổ sung có mục tiêu một phần cho ngân sách địa phương để hỗ trợ đầu tư cơ sở hạ tầng ở địa phương theo dự án được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

5. Trường hợp ngân sách địa phương hụt thu so với dự toán do nguyên nhân khách quan, sau khi đã thực hiện điều chỉnh giảm một số khoản chi theo quy định và sử dụng các nguồn lực tài chính hợp pháp khác của địa phương mà chưa bảo đảm được cân đối ngân sách địa phương thì ngân sách cấp trên hỗ trợ ngân sách cấp dưới theo khả năng của ngân sách cấp trên. / *Ch*

CHỦ TỊCH



Nguyễn Phú Cường
Nguyễn Phú Cường